

Số: 993 /QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tạm thời về đánh giá, xếp loại
đối với viên chức và người lao động tại Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Quy định số 11-QĐ/TU ngày 25/3/2026 của Thành ủy Hà Nội về đánh giá, xếp loại hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng gắn với phương pháp đánh giá, đo lường bằng OKR/KPI trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/ĐU ngày 01/6/2026 của Đảng ủy Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN tại Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, khóa XX, nhiệm kỳ 2025-2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức và Thanh tra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tạm thời về đánh giá, xếp loại đối với viên chức và người lao động tại Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Văn phòng Tổng hợp, Trưởng phòng Tổ chức và Thanh tra, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các đơn vị, tổ chức đoàn thể quần chúng trong Trường và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP, TC&TT, HA03.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Tuấn Minh



QUY ĐỊNH TẠM THỜI

Về đánh giá, xếp loại đối với viên chức và người lao động
tại Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

(Kèm theo Quyết định số 993 /QĐ-ĐHNN ngày 12 tháng 06 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Đánh giá, xếp loại hằng quý đối với viên chức, người lao động trong Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN (gọi chung là viên chức, người lao động: viết tắt là VCNLĐ) nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của VCNLĐ, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, quản lý; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong VCNLĐ.

2. Chuẩn hóa và xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp; nâng cao ý thức trách nhiệm, tính tự giác trong thực thi công vụ của VCNLĐ, tạo môi trường sáng tạo, đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị của đơn vị và Nhà trường.

3. Xây dựng hệ thống đánh giá VCNLĐ của Nhà trường gắn với phương pháp đánh giá, đo lường OKR/KPI; bảo đảm khách quan, minh bạch, có căn cứ kiểm chứng; đo lường được kết quả thực hiện nhiệm vụ và tác động thực tiễn.

4. Thông qua đánh giá, xếp loại VCNLĐ để biểu dương, khen thưởng VCNLĐ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; là căn cứ để đánh giá, xếp loại VCNLĐ hằng năm; là cơ sở để bố trí, sử dụng, quy hoạch, đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đối với VCNLĐ theo quy định và theo yêu cầu nhiệm vụ của Nhà trường.

Điều 2. Yêu cầu

1. Phải thực hiện đồng bộ quy trình đánh giá VCNLĐ với việc chỉ đạo đơn vị xây dựng kế hoạch công tác theo tuần, tháng, quý, năm; bảo đảm nguyên tắc 6 rõ “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”. Từng cá nhân có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác hằng tuần, tháng; đồng thời cập nhật đầy đủ các nhiệm vụ phát sinh, đột xuất và báo cáo lãnh đạo trực tiếp phê duyệt để tổ chức thực hiện.

2. Việc đánh giá, xếp loại VCNLĐ phải thực hiện theo nguyên tắc: Tập trung dân chủ, chính xác, khách quan, công bằng, đúng thực chất và đúng trình tự quy định. Phải thực

hiện đánh giá đa chiều, liên tục, bảo đảm lượng hóa kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng VCNLD gắn với kết quả công tác chung của từng bộ phận, đơn vị, Nhà trường (*trên cơ sở phân tích khối lượng và tính chất, mức độ của công việc*).

3. Từng bước xây dựng hồ sơ năng lực số của VCNLD, phục vụ theo dõi quá trình công tác và đánh giá năng lực thực tiễn. Gắn kết chặt chẽ kết quả đánh giá với các khâu trong công tác VCNLD, bảo đảm sử dụng thực chất trong quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng và sàng lọc VCNLD.

4. Việc đánh giá, xếp loại VCNLD phải thực hiện đồng bộ, thống nhất trong các đơn vị; phù hợp với mô hình tổ chức của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN. Thực hiện tự đánh giá và xếp loại hằng quý đối với VCNLD trong Nhà trường

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Toàn bộ hệ thống chính trị trong Trường.

2. Đối tượng áp dụng: Viên chức, người lao động trong Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. “*Viên chức*”: Là công dân Việt Nam, được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập và từ các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. “*Người lao động*”: Là những người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ.

3. “*Lãnh đạo, quản lý*”: Bao gồm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong Nhà trường.

4. “*Tập thể lãnh đạo, quản lý*”: Là tập thể lãnh đạo tại các tổ chức, cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ lãnh đạo tập thể.

5. “*Người đứng đầu*”: Là người được bầu, bổ nhiệm, phê chuẩn hoặc chỉ định giữ chức vụ cấp trưởng trong các tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước.

6. “*Cấp có thẩm quyền*”: Là tập thể lãnh đạo hoặc người đứng đầu được giao thẩm quyền quyết định về công tác tổ chức, quản lý VCNLD theo quy định.

7. “*OKR - Objectives and Key Results*”: Là mục tiêu và kết quả then chốt.

8. “*KPI - Key Performance Indicator*”: Là chỉ số đánh giá hiệu quả công việc.

Điều 5. Căn cứ đánh giá

1. Luật Viên chức hiện hành.

2. Hướng dẫn số 02-HD/BTCTW ngày 22/5/2026 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung về việc đánh giá định kỳ hàng quý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị.

3. Quy định số 366-QĐ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.
4. Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức; Hướng dẫn số 43-HD/BTCTW ngày 31/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.
5. Quy định số 03-QĐ/TU ngày 19/11/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị của Đảng bộ thành phố Hà Nội.
6. Quy định số 11-QĐ/TU ngày 25/3/2026 của Thành ủy Hà Nội về đánh giá, xếp loại hằng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng gắn với phương pháp đánh giá, đo lường bằng OKR/KPI trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội.
7. Thông tư số 26/2026/TT-BGDĐT ngày 09/4/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giảng viên đại học.
8. Chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; nghị quyết, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; việc tu dưỡng, rèn luyện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa giao tiếp, tác phong và lễ l貌 làm việc của VCNLĐ.
9. Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
10. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của VCNLĐ theo kế hoạch, chương trình công tác trong tháng, quý và các nhiệm vụ đột xuất được giao.
11. Quy định về hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.
12. Quyết định số 902/QĐ-ĐHNN ngày 01/6/2026 về việc phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.
13. Kết quả theo dõi, đánh giá của lãnh đạo và kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng; phản ánh của tổ chức, cá nhân đối với VCNLĐ trong thực thi nhiệm vụ.

Điều 6. Nguyên tắc đánh giá

1. Việc nhận xét, đánh giá và xếp loại VCNLĐ hằng quý phải bảo đảm dân chủ, chính xác, khách quan, công khai, công bằng, minh bạch; đúng thẩm quyền, trách nhiệm, trình tự, thủ tục; thực hiện theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể.
2. Cấp nào, người nào trực tiếp lãnh đạo, giao việc, thì đồng thời thực hiện việc cho ý kiến nhận xét, đánh giá. Người đứng đầu đơn vị, cơ quan là người quyết định việc xếp loại và chịu trách nhiệm về kết quả xếp loại VCNLĐ theo thẩm quyền.
3. Ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; quản trị bằng mục tiêu và kết quả then chốt (OKR), đo lường bằng chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI); giám sát bằng dữ liệu thời gian thực phục vụ theo dõi, đánh giá, xếp loại VCNLĐ.

4. Việc đánh giá, xếp loại phải căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ về tiến độ, chất lượng, sản phẩm cụ thể; số lượng công việc được giao theo kế hoạch; nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất; mức độ khó, phức tạp, yêu cầu trình độ chuyên môn của công việc; ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương, chấp hành các quy định, quy chế ... Việc đánh giá cần làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại, hạn chế về phẩm chất năng lực, trình độ của VCNLĐ.

5. Việc đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo, quản lý phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý.

6. Trường hợp VCNLĐ không hoàn thành nhiệm vụ do yếu tố khách quan, bất khả kháng thì được xem xét trong quá trình đánh giá, xếp loại.

7. Không thực hiện đánh giá, xếp loại đối với VCNLĐ có thời gian làm việc thực tế trong quý dưới 50% ngày làm việc theo quy định. Trường hợp VCNLĐ nghỉ việc riêng không hưởng lương, nghỉ ốm hoặc nghỉ thai sản theo quy định của pháp luật nhưng vẫn bảo đảm thời gian làm việc thực tế từ 50% số ngày làm việc trở lên của kỳ đánh giá thì vẫn thực hiện đánh giá, xếp loại; kết quả xếp loại chất lượng được xác định dựa trên theo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thời gian làm việc thực tế đó.

8. Kết quả đánh giá, xếp loại VCNLĐ hằng quý là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá, xếp loại chất lượng VCNLĐ hằng năm; là căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm; là căn cứ trực tiếp cho công tác bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, đãi ngộ, khen thưởng, sàng lọc, luân chuyển, thay thế, kỷ luật, tạm đình chỉ, miễn nhiệm, cho thôi chức, từ chức theo phương châm “có vào – có ra, có lên – có xuống”.

Chương II

TIÊU CHÍ, THẨM QUYỀN ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 7. Tiêu chí đánh giá, xếp loại

Việc đánh giá, xếp loại VCNLĐ căn cứ vào các tiêu chí điều kiện và tiêu chí đánh giá (*trên thang điểm 100*). Cụ thể như sau:

1. Các tiêu chí điều kiện: Nếu không đạt bất kỳ tiêu chí nào trong nhóm tiêu chí điều kiện thì kết quả đánh giá được xác định là không đạt; xếp loại *Không hoàn thành nhiệm vụ*:

- Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- Chấp hành nội quy, quy chế, quy định của ĐHQGHN và Nhà trường;
- Giữ gìn phẩm chất, đạo đức, uy tín nghề nghiệp;
- Thực hiện nghiêm quy định về đạo đức nghề nghiệp, đạo đức học thuật và liêm chính khoa học;

- Chấp hành sự phân công, chỉ đạo của tổ chức, sẵn sàng nhận nhiệm vụ.

2. Các tiêu chí đánh giá

2.1. Đối với giảng viên; trưởng/ phó bộ môn

- Hoạt động giảng dạy: 40 điểm;

- Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo: 30 điểm;
- Hoạt động phục vụ cộng đồng 20 điểm;
- Tiêu chí vượt trội: 10 điểm

2.2. Đối với chuyên viên và tương đương

- Tiêu chí tổng quát: 20 điểm;
- Nhóm tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao: 50 điểm;
- Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng: 20 điểm;
- Tiêu chí vượt trội: 10 điểm.

2.3. Đối với viên chức quản lý, lãnh đạo

- 70% tổng điểm được xác định theo nhóm tiêu chí của vị trí việc làm chuyên môn tương ứng;

- 30% tổng điểm được xác định thông qua kết quả hoạt động của lĩnh vực được giao lãnh đạo, quản lý, phụ trách; khả năng tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ của đơn vị; năng lực tập hợp, đoàn kết VCNLĐ thuộc phạm vi quản lý quy định.

3. Tiêu chí về kỷ luật lao động:

- Chấp hành kỷ luật lao động của Nhà trường theo Quy chế làm việc, Quy định chăm công: Mỗi lần vi phạm bị trừ 01 điểm.

4. VCNLĐ thực hiện đánh giá theo các nhóm tiêu chí quy định tại Phụ lục 1 của Quy định này.

5. Phương pháp và cách xác định điểm tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Quy định này.

Điều 8. Xếp loại đối với VCNLĐ

- Hằng quý, VCNLĐ thực hiện tự đánh giá kết quả công tác; Gửi cấp có thẩm quyền Bản tự đánh giá để theo dõi quá trình triển khai nhiệm vụ của VCNLĐ.

- Hằng quý, cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến nhận xét và thực hiện xếp loại đối với VCNLĐ.

- Các mức xếp loại đối với VCNLĐ:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Loại A): Đạt từ 90 điểm đến 100 điểm.
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Loại B): Đạt từ 70 điểm đến dưới 90 điểm.
3. Hoàn thành nhiệm vụ (Loại C): Đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.
4. Không hoàn thành nhiệm vụ (Loại D): Dưới 50 điểm.
5. Tỷ lệ xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với VCNLĐ

a) Tỷ lệ VCNLĐ xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không vượt quá 20% tổng số VCNLĐ được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trong phạm vi cùng đơn vị và trong từng nhóm VCNLĐ có nhiệm vụ tương đồng.

Nhóm	Nhiệm vụ tương đồng
1	Giảng viên, chuyên viên, Trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn (Nhóm không hưởng phụ cấp chức vụ)
2	Trưởng khoa, Phó trưởng khoa
3	Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, Tổng biên tập, Phó tổng biên tập tạp chí NCNN

b) Trường hợp đơn vị có thành tích xuất sắc, nổi trội, tạo sự chuyển biến tích cực, hoàn thành vượt kế hoạch các công việc được giao, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực thì Tập thể lãnh đạo Trường quyết định tỷ lệ VCNLD hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cao hơn quy định tại điểm a khoản này nhưng không vượt quá 25% tổng số VCNLD được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Điều 9. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại

1. Cấp nào, cá nhân nào trực tiếp lãnh đạo, phân công, giao việc thì đồng thời thực hiện việc cho ý kiến nhận xét đối với VCNLD thuộc phạm vi quản lý.
2. Người đứng đầu đơn vị, Hiệu trưởng Nhà trường là người quyết định việc xếp loại và chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá VCNLD theo thẩm quyền.
3. Bảng phân công thẩm quyền cán bộ đánh giá, xếp loại, quyết định

TT	Đối tượng	Người nhận xét	Người đánh giá, xếp loại
1	Giảng viên	Trưởng bộ môn	Trưởng khoa
2	Trưởng/ Phó bộ môn	Phó trưởng khoa (phụ trách bộ môn)	Trưởng khoa
3	Phó trưởng khoa	Trưởng khoa	Phó hiệu trưởng (phụ trách khoa)
4	Trưởng khoa	Phó hiệu trưởng (phụ trách khoa)	Hiệu trưởng
5	Chuyên viên	Phó Trưởng phòng	Trưởng phòng
6	Phó trưởng phòng	Trưởng phòng	Phó hiệu trưởng (phụ trách phòng)
7	Trưởng phòng	Phó hiệu trưởng (phụ trách phòng)	Hiệu trưởng
8	Phó Hiệu trưởng	Ban thường vụ Đảng uỷ	Ban thường vụ Đảng uỷ
9	Hiệu trưởng	Ban thường vụ Đảng uỷ	Ban thường vụ Đảng uỷ

CHƯƠNG III
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 10. Phương pháp xác định tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ

1. Xác định các nhiệm vụ gắn với sản phẩm/ công việc đầu ra dựa trên chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, các nghị quyết của Đảng ủy, kết luận của Tập thể lãnh đạo Trường; các kết luận của Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng, nhiệm vụ chính trị của đơn vị, nhiệm vụ theo lĩnh vực phụ trách, trên cơ sở rà soát, loại bỏ nhiệm vụ trùng lặp, không rõ kết quả đầu ra (nếu có), phân loại theo các nhóm cấp độ phức tạp của vị trí việc làm, tổng hợp thành Danh mục nhiệm vụ gắn với sản phẩm/ công việc của đơn vị.

2. Đối với giảng viên, trưởng/ phó bộ môn: Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được thực hiện thông qua kết quả thực hiện các nhóm nhiệm vụ về giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và hoạt động vượt trội theo Phiếu đánh giá quy định tại Phụ lục 1.

3. Đối với chuyên viên và tương đương: Việc đánh giá được thực hiện thông qua tiêu chí tổng quát; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng và hoạt động vượt trội. Trong đó kết quả thực hiện nhiệm vụ được đánh giá bằng:

- Số lượng công việc hoàn thành;
- Chất lượng công việc;
- Tiến độ thực hiện công việc

Điều 11. Đánh giá tiêu chí kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ đối với chuyên viên và tương đương

1. Việc đánh giá tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ của chuyên viên và tương đương được thực hiện trên cơ sở so sánh giữa số lượng sản phẩm/ công việc đã hoàn thành với số lượng sản phẩm/ công việc được giao trong từng quý.

2. Điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với chuyên viên và tương đương hằng quý được tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ} = \frac{\mathbf{a + b + c}}{3}$$

Trong đó:

a là số lượng kết quả thực hiện nhiệm vụ; điểm tối đa là 50. Được xác định bằng tỷ lệ phần trăm giữa số lượng sản phẩm/ công việc hoàn thành so với số lượng sản phẩm/ công việc được giao trong quý.

b là chất lượng kết quả thực hiện nhiệm vụ; điểm tối đa là 50. Được xác định bằng tỷ lệ phần trăm giữa số lượng sản phẩm/ công việc hoàn thành đạt yêu cầu về chất lượng, nội dung so với số lượng sản phẩm/ công việc được giao trong quý.

c là tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ; điểm tối đa là 50. Được xác định bằng tỷ lệ phần trăm giữa số lượng sản phẩm/ công việc hoàn thành đạt tiến độ trở lên so với số lượng sản phẩm/ công việc được giao trong quý.

Lưu ý: Làm tròn xuống với số điểm lẻ dưới 0,5; làm tròn lên với số điểm lẻ từ 0,5 trở lên.

Điều 12. Đánh giá tiêu chí kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ đối với lãnh đạo, quản lý

Đối với các vị trí lãnh đạo, quản lý, ngoài các tiêu chí chuyên môn tương ứng với vị trí việc làm (được tính bằng 70% tổng số điểm trên thang 100 điểm) được đánh giá bổ sung dựa trên vị trí lãnh đạo, quản lý (được tính bằng 30% tổng số điểm trên thang 100 điểm) theo các nội dung:

- Kết quả hoạt động của đơn vị (khối lượng, chất lượng và tiến độ) của lĩnh vực được giao lãnh đạo, quản lý, phụ trách;
- Khả năng tổ chức, triển khai thực hiện công việc (theo kế hoạch và đột xuất, phát sinh);
- Năng lực tập hợp, đoàn kết VCNLĐ thuộc phạm vi quản lý;

Điều 13. Tổng hợp kết quả đánh giá VCNLĐ

1. Kết quả đánh giá VCNLĐ hằng quý được xác định trên cơ sở:

- Kết quả thực hiện các tiêu chí điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy định này;
- Điểm các nhóm tiêu chí đánh giá theo vị trí việc làm;
- Điểm trừ do vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính hoặc vi phạm quy định của Nhà trường (nếu có).
- Điểm các nhóm tiêu chí kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ (đối với lãnh đạo, quản lý).

2. Điểm đánh giá cuối cùng của VCNLĐ được tổng hợp theo thang điểm 100 và là căn cứ để xếp loại chất lượng VCNLĐ theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

3. Việc tổng hợp kết quả đánh giá phải bảo đảm:

- Khách quan, công khai, minh bạch;
- Gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và đơn vị;
- Được cập nhật, lưu trữ trên hệ thống quản trị số của Nhà trường.

4. Kết quả đánh giá, xếp loại VCNLĐ hằng quý là căn cứ để:

- Đánh giá, xếp loại VCNLĐ hằng năm;
- Chi trả thu nhập tăng thêm;
- Xét thi đua, khen thưởng;
- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm và sử dụng VCNLĐ theo quy định của Nhà trường.

Chương IV

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG PHẦN MỀM TÍCH HỢP HỆ THỐNG QUẢN TRỊ OKR/KPI TRONG ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 14. Quy trình đánh giá, xếp loại

Quy trình đánh giá, xếp loại hằng tháng đối với VCNLĐ thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Xây dựng kế hoạch công tác theo tuần, tháng và quý.

Vào tuần đầu tiên của tháng đầu tiên mỗi quý, đơn vị xây dựng kế hoạch công tác quý làm căn cứ để xác định kế hoạch công tác cụ thể của tháng và tuần; VCNLĐ xây dựng lịch công tác tuần, tháng và quý (*trên cơ sở nhiệm vụ được giao và kế hoạch công tác của đơn vị*), thường xuyên cập nhật các công việc đột xuất, phát sinh làm cơ sở để kiểm điểm hằng tháng và cuối mỗi quý.

Bước 2: VCNLĐ tự đánh giá mức xếp loại hằng quý (trước ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý).

Bước 3: Cấp có thẩm quyền nhận xét, cho ý kiến kết quả đánh giá của VCNLĐ hằng quý (trước ngày 27 của tháng cuối cùng trong quý).

Bước 4. Cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại.

Trước ngày 29 của tháng cuối cùng trong quý, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kết quả đánh giá, xếp loại VCNLĐ theo quy định.

Việc xếp loại được thực hiện theo quý trên cơ sở tổng hợp kết quả đánh giá hằng quý; bảo đảm khách quan, công bằng, đúng thực chất; tuân thủ tỷ lệ xếp loại theo quy định

Các mức xếp loại:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Loại A): 90 – 100 điểm
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ (Loại B): 70 – dưới 90 điểm
- + Hoàn thành nhiệm vụ (Loại C): 50 – dưới 70 điểm
- + Không hoàn thành nhiệm vụ (Loại D): dưới 50 điểm

Lưu ý: Việc thực hiện đánh giá đối với quý IV hoàn thành trước ngày 15/12 hằng năm.

Bước 5. Công khai kết quả và sử dụng kết quả đánh giá.

Trong cuộc họp giao ban của tháng đầu tiên quý tiếp theo, Nhà trường thực hiện:

- Thông báo công khai kết quả đánh giá, xếp loại VCNLĐ;
- Tổ chức biểu dương, khen thưởng tại cuộc họp giao ban;
- Sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm, thi đua, khen thưởng.

Điều 15. Sử dụng phần mềm tích hợp hệ thống quản trị OKR/KPI trong đánh giá, xếp loại đối với VCNLD

Thống nhất sử dụng đồng bộ phần mềm trong đánh giá, xếp loại hàng quý đối với VCNLD trong Nhà trường. Nội dung các bước thực hiện quản lý, khai thác và sử dụng phần mềm đánh giá đối với VCNLD thực hiện theo hướng dẫn của Nhà trường.

Chương V

THU NHẬP TẶNG THÊM, KHEN THƯỞNG VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 16. Thu nhập tăng thêm và Khen thưởng

1. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại hàng quý, Nhà trường thực hiện cơ chế chi thu nhập tăng thêm cho VCNLD theo thẩm quyền quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN. Việc chi trả phải quán triệt nguyên tắc “*lượng hóa công hiến, tuyệt đối không cào bằng*”.

2. Ngoài chế độ thu nhập tăng thêm, Nhà trường ưu tiên sử dụng “Quỹ Khen thưởng, phúc lợi” và các nguồn tài chính hợp pháp khác để biểu dương, khen thưởng đột xuất đối với VCNLD. Cơ chế này nhằm khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, có sản phẩm cụ thể đóng góp vào sự phát triển của Nhà trường.

3. Kết hợp sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại VCNLD hàng quý được sử dụng làm căn cứ để Tập thể lãnh đạo Trường quyết định chế độ khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Việc tổ chức biểu dương, phân bổ thu nhập tăng thêm và khen thưởng hàng quý phải được thực hiện công khai, minh bạch, đồng bộ, dựa trên dữ liệu đánh giá thực chất; bảo đảm sự thống nhất về nội dung và mức chi của Nhà trường.

Điều 17. Hồ sơ đánh giá, xếp loại

Hồ sơ đánh giá, xếp loại hàng quý được lưu trữ trên hệ thống phần mềm đánh giá VCNLD của Nhà trường, bao gồm:

1. Phiếu tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại của từng cá nhân (*Phụ lục 1 đính kèm Quy định này*).
2. Danh sách tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại VCNLD của Nhà trường (*Phụ lục 3 đính kèm Quy định này*).
3. Danh sách đề nghị khen thưởng (nếu có).

Điều 18. Sử dụng kết quả đánh giá hàng quý để xếp loại, đánh giá VCNLD hàng năm

Kết quả đánh giá, xếp loại VCNLD hàng quý là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá, xếp loại chất lượng VCNLD hàng năm; phục vụ công tác cán bộ (*sàng lọc, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm*) khi cần thiết; đồng thời,

là cơ sở để bình xét thi đua, khen thưởng theo quy định. Kết quả đánh giá hằng năm được sử dụng làm căn cứ đánh giá theo nhiệm kỳ.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Tập thể lãnh đạo Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN thống nhất triển khai, sử dụng đồng bộ hệ thống phần mềm trong công tác đánh giá, xếp loại hằng quý đối với VCNLD trong toàn Trường.

2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường; lãnh đạo các khoa, phòng, bộ môn và toàn thể VCNLD có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Quy định này kể từ ngày có hiệu lực.

Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về việc tổ chức thực hiện tại đơn vị mình.

3. Phòng Tổ chức và Thanh tra chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định; định kỳ tổng hợp, báo cáo Tập thể lãnh đạo Trường.

4. Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường có trách nhiệm:

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quy định đến toàn thể VCNLD;
- Xây dựng lịch công tác theo tuần, tháng và quý của đơn vị; cụ thể hóa tiêu chí đánh giá phù hợp với đặc thù của đơn vị;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát, bảo đảm việc đánh giá, xếp loại được thực hiện nghiêm túc, khách quan, đúng quy định;
- Chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả đánh giá VCNLD thuộc phạm vi quản lý.

5. VCNLD có trách nhiệm:

- Thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại theo quy định;
- Cập nhật đầy đủ nhiệm vụ, kết quả công việc trên hệ thống đánh giá;
- Kịp thời phản ánh những vướng mắc trong quá trình thực hiện;
- Được quyền bảo lưu ý kiến đối với kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại của cá nhân và có quyền phản ánh với cấp trên trong trường hợp không đồng ý với quyết định mức xếp loại đối với bản thân mình, nhưng phải chấp hành quyết định cuối cùng của cấp có thẩm quyền.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và được phổ biến đến toàn thể VCNLD trong Trường.

2. Quy định này thay thế các quy định trước đây của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN liên quan đến đánh giá, xếp loại VCNLD hằng tháng, hằng quý (nếu có).

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Phòng Tổ chức và Thanh tra để tổng hợp, báo cáo Tập thể lãnh đạo Trường xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 1
PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI
VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-DHNN ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)*

STT	Phiếu đánh giá	Ký hiệu biểu
1	Giảng viên	Mẫu số 01
2	Chuyên viên	Mẫu số 02
3	Trưởng khoa, Phó trưởng khoa	Mẫu số 03
4	Trưởng phòng, Phó trưởng phòng	Mẫu số 04

Mẫu số 01**PHIẾU ĐÁNH GIÁ GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐHQGHN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
A. CÁC TIÊU CHÍ ĐIỀU KIỆN					
Nếu không đạt bất kỳ tiêu chí nào trong nhóm Tiêu chí điều kiện dưới đây, kết quả đánh giá được xác định là KHÔNG ĐẠT.					
1.		Chấp hành chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong trường, đơn vị.	Đạt/ Không đạt		
2.		Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của nhà giáo, viên chức và người lao động; tuân thủ nội quy, quy chế của ĐHQGHN, Trường ĐHNN và các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.	Đạt/ Không đạt		
3.		Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo, viên chức và người lao động; có tinh thần đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, tôn trọng và đối xử công bằng, đúng mực với người học, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.	Đạt/ Không đạt		
4.		Tuân thủ các quy định về đạo đức học thuật và bảo đảm liêm chính khoa học, thực hiện trung thực, minh bạch trong thực thi công vụ, hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, công bố kết quả nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác.	Đạt/ Không đạt		
5.		Tâm huyết với nghề, tận tụy với công việc; Chấp hành sự phân công, chỉ đạo của tổ chức, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao bởi cấp có thẩm quyền.	Đạt/ Không đạt		
B. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ					
Tiêu chuẩn 1: Hoạt động giảng dạy					
	Hoạt động chuẩn bị tổ chức dạy học		10 điểm		
1.1	Đảm bảo kiến thức về lĩnh vực giảng dạy	2 điểm: Nắm vững kiến thức chuyên môn, đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy học phần 1 điểm: Nắm được kiến thức chuyên môn, cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy học phần	2		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
1.2	Hiểu biết về người học và bối cảnh dạy học	2 điểm: Hiểu rõ phong cách học tập, mục tiêu và nhu cầu học tập của người học 1 điểm: Hiểu biết ở mức cơ bản phong cách học tập, mục tiêu và nhu cầu học tập của người học	2		
1.3	Đảm bảo chất lượng học liệu giảng dạy của học phần	2 điểm: Có nguồn học liệu đa dạng, cập nhật, phù hợp với khả năng tiếp nhận, kiến thức của người học 1 điểm: Có nguồn học liệu tương đối đa dạng, cập nhật, phù hợp với khả năng tiếp nhận, kiến thức của người học	2		
1.4	Đảm bảo các yêu cầu về xây dựng và thiết kế hoạt động dạy học	2 điểm: Hiểu rõ chuẩn đầu ra của học phần và thiết kế đầy đủ các hoạt động dạy học tương ứng để đảm bảo người học đạt được chuẩn đầu ra học phần 1 điểm: Cơ bản nắm được chuẩn đầu ra của học phần và thiết kế được một số hoạt động dạy học đảm bảo người học đạt được chuẩn đầu ra học phần	2		
1.5	Đảm bảo khả năng tổ chức dạy học có chất lượng theo nhiều phương thức khác nhau (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp ...)	2 điểm: Tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học theo các phương thức khác nhau, đáp ứng yêu cầu của học phần, duy trì sự hợp tác và tính tích cực của người học 1 điểm: Tổ chức tương đối hiệu quả hoạt động dạy học theo các phương thức khác nhau, đáp ứng yêu cầu của học phần, duy trì sự hợp tác và tính tích cực của người học	2		
	Hoạt động tổ chức dạy học		20 điểm		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
1.6	Tổ chức và quản lý lớp học hiệu quả	<p>4 điểm: Chuẩn bị kỹ lưỡng bài giảng, kịch bản giảng dạy, trang thiết bị; giải thích rõ ràng cho người học về mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần; tích cực lắng nghe phản hồi của người học và tiến hành điều chỉnh phù hợp trong tổ chức và quản lý lớp học.</p> <p>2 điểm: Có chuẩn bị bài giảng, kịch bản giảng dạy, trang thiết bị; Có giải thích cho người học về mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần; lắng nghe phản hồi của người học nhưng mức độ điều chỉnh còn hạn chế.</p>	4		
1.7	Đảm bảo phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực	<p>4 điểm: Vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy phù hợp với nội dung học phần; tích cực thúc đẩy sự tương tác của người học vào các hoạt động học tập và tạo sự chuyển biến rõ rệt.</p> <p>2 điểm: Có vận dụng các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy phù hợp với nội dung học phần; đã thúc đẩy về cơ bản sự tương tác của người học vào các hoạt động học tập.</p>	4		
1.8	Hiểu rõ ưu, nhược điểm của các công cụ, công nghệ giáo dục phổ biến để có cách thức áp dụng phù hợp với các đối tượng người học và bối cảnh dạy học khác nhau	<p>4 điểm: Lựa chọn một cách chủ động và hiệu quả hệ thống công cụ, công nghệ phù hợp với từng đối tượng người học và bối cảnh dạy học</p> <p>2 điểm: Biết lựa chọn hệ thống công cụ, công nghệ phù hợp với từng đối tượng người học và bối cảnh dạy học tuy nhiên đôi khi còn lúng túng, bị động.</p>	4		
1.9	Tạo lập môi trường dạy học tích cực, tôn trọng sự khác biệt	<p>4 điểm: Quan tâm phản hồi tích cực đối với các quan điểm cá nhân, thúc đẩy hiệu quả tư duy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp của người học</p> <p>2 điểm: Có phản hồi đối với các quan điểm cá nhân, bước đầu khuyến khích tư duy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp của người học</p>	4		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
1.10	Áp dụng linh hoạt cách tiếp cận và phương thức giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu và năng lực học tập đa dạng của người học	4 điểm: Vận dụng hiệu quả các phương thức giảng dạy khác nhau để thiết kế đa dạng các hoạt động học tập, phát huy sở trường, thế mạnh, định hướng nghề nghiệp của người học 2 điểm: Vận dụng ở mức độ cơ bản các phương thức giảng dạy khác nhau để thiết kế các hoạt động học tập.	4		
	Hoạt động kiểm tra đánh giá		10 điểm		
1.11	Sử dụng thành thạo, đa dạng các phương thức kiểm tra đánh giá người học và các công cụ, phần mềm phù hợp trong hoạt động kiểm tra đánh giá	2 điểm: Sử dụng một cách tự tin, chủ động hệ thống phần mềm, phương pháp KTĐG; có công cụ đo lường, đánh giá được chuẩn đầu ra học phần/ chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 1 điểm: Biết cách sử dụng (nhưng đôi khi vẫn cần sự hỗ trợ từ bên ngoài) hệ thống phần mềm, phương pháp KTĐG, công cụ đo lường, đánh giá được chuẩn đầu ra học phần/ chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	2		
1.12	Đảm bảo các hoạt động kiểm tra đánh giá bao phủ được toàn bộ các nội dung của học phần và tương thích với chuẩn đầu ra học phần	2 điểm: Có và áp dụng đầy đủ bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) tương ứng với từng phương pháp KTĐG 1 điểm: Có xây dựng bảng tiêu chí đánh giá nhưng phạm vi áp dụng còn hạn chế	2		
1.13	Xây dựng hệ thống các bảng ma trận thể hiện mối liên hệ giữa các thành tố trong học phần. - Các ma trận cần có gồm: + CĐR học phần và CĐR CTĐT + CĐR học phần, PPDH, PP KTĐG và nội dung bài học	2 điểm: Xây dựng đầy đủ hệ thống các bảng ma trận giữa các thành tố trong đề cương học phần 1 điểm: Có bảng ma trận giữa các thành tố trong đề cương học phần nhưng chưa đầy đủ .	2		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
	+ PPDH và PP KTĐG + PPDH, PP KTĐG và CDR học phần				
1.14	Thiết lập được các kênh thông tin và hình thức khác nhau để tiếp nhận và xử lý kịp thời các ý kiến phản hồi của người học về sự tiến bộ và kết quả học tập của họ	2 điểm: Thiết lập đa dạng các kênh thông tin để tiếp nhận, xử lý kịp thời phản hồi, hỗ trợ sự tiến bộ của người học 1 điểm: Có kênh thông tin ở mức độ cơ bản để tiếp nhận, xử lý kịp thời phản hồi, hỗ trợ sự tiến bộ của người học	2		
1.15	Có phân tích kết quả học tập của người học đối với từng học phần tham gia giảng dạy; đề xuất cải tiến, điều chỉnh PPDH, PP KTĐG, chất lượng bài thi	2 điểm: Có báo cáo phân tích đầy đủ kết quả học tập của người học, bảo đảm độ giá trị và độ tin cậy; đề xuất cải tiến PPDH và KTĐG nhằm nâng cao chất lượng 1 điểm: Có thực hiện đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học; bước đầu đề xuất điều chỉnh PPDH và KTĐG	2		
Tiêu chuẩn 2: Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiên cứu khoa học & ĐMST					
	Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn		10 điểm		
2.1	Chủ động thực hiện các hoạt động khác nhau để tự bồi dưỡng chuyên môn nhằm phục vụ tốt các hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, NCKH	2 điểm: Thực hiện thường xuyên các hoạt động tự bồi dưỡng, phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo, NCKH 1 điểm: Có thực hiện nhưng chưa thường xuyên các hoạt động tự bồi dưỡng, phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH	2		
2.2	Ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là AI trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	2 điểm: Ứng dụng thành thạo ứng dụng CNTT, đặc biệt là AI trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ 1 điểm: Có ứng dụng CNTT, AI trong hoạt động chuyên môn nhưng chưa ở mức độ thành thạo	2		
2.3	Có khả năng giảng dạy nhiều nhóm học phần khác nhau trong CTĐT	2 điểm: hiện tại đang giảng dạy hoặc có thể đáp ứng ngay yêu cầu giảng dạy từ 3 học phần khác nhau trở lên. 1 điểm: Trong tương lai có thể giảng	2		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
		đạy từ 3 học phần khác nhau trở lên.			
2.4	Đã hoàn thành hoặc đang theo học chương trình đào tạo nghiên cứu sinh (NCS)	2 điểm: Là tiền sĩ hoặc đang theo học chương trình đào tạo NCS 1 điểm: Có kế hoạch theo học chương trình đào tạo NCS	2		
2.5	Tham gia hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn cho đồng nghiệp và người học	2 điểm: là người thực hiện hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn từ cấp Trường trở lên . 1 điểm: là người thực hiện hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn cấp Bộ môn hoặc Khoa	2		
	Hoạt động nghiên cứu khoa học & ĐMST		20 điểm		
2.6	Tham gia các mạng lưới học thuật, nhóm nghiên cứu/ ĐMST, cộng đồng chuyên môn (COP)	4 điểm: Là thành viên chủ chốt (cấp trưởng hoặc phó) trong mạng lưới/nhóm nghiên cứu/ ĐMST/ COP 3 điểm: Tham gia ở mức độ tích cực trong mạng lưới/nhóm nghiên cứu/ ĐMST/ COP 2 điểm: Tham gia ở mức độ tương đối tích cực các hoạt động trong mạng lưới/nhóm nghiên cứu/ ĐMST/ COP 1 điểm: Có tham gia nhưng chưa đầy đủ các hoạt động trong mạng lưới/nhóm nghiên cứu/ ĐMST/ COP	4		
2.7	Hướng dẫn người học thực hiện khóa luận, luận văn, luận án (có quyết định giao nhiệm vụ)	4 điểm: Hướng dẫn tích cực người học thực hiện khóa luận, luận văn, luận án; người học thực hiện đúng tiến độ và đạt kết quả tốt . 3 điểm: Hướng dẫn đầy đủ người học thực hiện khóa luận, luận văn, luận án; người học thực hiện tương đối đúng yêu cầu . 2 điểm: Có tham gia hướng dẫn và hỗ trợ người học thực hiện khoá luận, luận văn, luận án trong một số giai đoạn của quá trình thực hiện.	4		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
		1 điểm: Có tham gia hướng dẫn người học nhưng mức độ hỗ trợ còn hạn chế hoặc chưa theo sát quá trình thực hiện khoá luận, luận văn, luận án của người học.			
2.8	Hướng dẫn người học thực hiện đề tài NCKH, ĐMST (có quyết định giao nhiệm vụ)	<p>4 điểm: Hướng dẫn tích cực người học thực hiện đề tài NCKH, ĐMST; đề tài đạt kết quả nổi bật hoặc được nghiệm thu, công nhận, khen thưởng.</p> <p>3 điểm: Hướng dẫn đầy đủ người học thực hiện đề tài NCKH, ĐMST; đề tài hoàn thành và đạt yêu cầu.</p> <p>2 điểm: Có tham gia hướng dẫn và hỗ trợ người học thực hiện đề tài NCKH, ĐMST trong một số giai đoạn của quá trình thực hiện.</p> <p>1 điểm: Có tham gia nhưng chưa thường xuyên hoặc chưa theo sát quá trình thực hiện đề tài NCKH, ĐMST của người học.</p>			
2.9	Hướng dẫn người học tham gia các cuộc thi học thuật ở các cấp độ khác nhau	<p>4 điểm: Hướng dẫn tích cực người học tham gia các cuộc thi học thuật; người học đạt giải thưởng hoặc thành tích nổi bật.</p> <p>3 điểm: Hướng dẫn đầy đủ người học tham gia các cuộc thi học thuật; người học hoàn thành tốt quá trình tham gia.</p> <p>2 điểm: Có tham gia hướng dẫn và hỗ trợ người học trong một số giai đoạn của quá trình thực hiện tham dự cuộc thi học thuật.</p> <p>1 điểm: Có tham gia nhưng chưa thường xuyên hoặc chưa theo sát quá trình người học tham dự các cuộc thi học thuật.</p>			

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
2.10	Tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; có bài báo khoa học trên các tạp chí/ bài đăng ký yếu toàn văn	<p>4 điểm: Có bài đăng tại tạp chí Q3, Q4/ kỷ yếu toàn văn hội thảo quốc tế/ tạp chí chuyên ngành trong nước có chỉ số ISBN (tạp chí khoa học được tính điểm từ 0,5 trở lên theo quy định của Hội đồng giáo sư nhà nước công nhận tại thời điểm đánh giá)</p> <p>3 điểm: Có bài đăng ký yếu toàn văn tại hội thảo quốc gia</p> <p>2 điểm: Có bài báo đăng ký yếu toàn văn hội nghị, hội thảo cấp trường</p> <p>1 điểm: Tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước, quốc tế bằng hình thức trực tiếp/ trực tuyến/ kết hợp</p>	4		
Tiêu chuẩn 3: Hoạt động Kết nối & Phục vụ cộng đồng (PVCD)¹			20 điểm		
3.1	Kết nối và PVCD trong các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, trách nhiệm xã hội	<p>4 điểm: Tham gia tích cực trong các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, thực hiện trách nhiệm xã hội</p> <p>3 điểm: Tham gia tương đối tích cực các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, thực hiện trách nhiệm xã hội</p> <p>2 điểm: Có tham gia các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, thực hiện trách nhiệm xã hội</p> <p>1 điểm: Ủng hộ (về tinh thần và/hoặc vật chất) các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, thực hiện trách nhiệm xã hội</p>	4		
3.2	Kết nối và PVCD trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực	<p>4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kết nối, phát triển năng lực</p> <p>3 điểm: Tham gia tương đối tích cực các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kết nối, phát triển năng lực</p> <p>2 điểm: Có tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực</p>	4		

¹ Quy định kết nối và hoạt động phục vụ cộng đồng Trường ĐHNH, ĐHQGHN, số 906/QĐ-ĐHNH ngày 09/3/2023

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
		1 điểm: Ủng hộ và có kế hoạch tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực			
3.3	Kết nối và PVCĐ trong lĩnh vực NCKH, ĐMST, chuyển giao tri thức, công nghệ	4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động NCKH, ĐMST, chuyển giao tri thức, công nghệ 3 điểm: Tham gia tương đối tích cực các hoạt động NCKH, ĐMST, chuyển giao tri thức, công nghệ 2 điểm: Có tham gia các hoạt động NCKH, ĐMST, chuyển giao tri thức, công nghệ 1 điểm: Ủng hộ và có kế hoạch tham gia các hoạt động NCKH, ĐMST, chuyển giao tri thức, công nghệ	4		
3.4	Kết nối và PVCĐ trong các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm	4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm 3 điểm: Tham gia tương đối tích cực các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm 2 điểm: Có tham gia các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm 1 điểm: Ủng hộ và có kế hoạch tham gia các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm	4		
3.5	Kết nối và PVCĐ trong lĩnh vực hỗ trợ, phát triển người học	4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động hỗ trợ, phát triển người học 3 điểm: Tham gia tương đối tích cực các hoạt động hỗ trợ, phát triển người học 2 điểm: Có tham gia các hoạt động hỗ trợ, phát triển người học 1 điểm: Ủng hộ và có kế hoạch tham	4		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
		gia các hoạt động hỗ trợ, phát triển người học			
	Tiêu chí vượt trội	Đạt 1 trong số các yêu cầu sau:	10 điểm		
	Sáng kiến, giải pháp ĐMST hoặc thành tích nghiên cứu khoa học vượt trội	<p>1. Sáng kiến, giải pháp hữu ích đổi mới sáng tạo tạo tác động tích cực đến khoa/ nhà trường/ xã hội được Hội đồng Sáng kiến của Trường ĐHNN công nhận.</p> <p>2. Thành tích đặc biệt được khen thưởng cấp Trường trở lên.</p> <p>3. Các sản phẩm khoa học bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế Q1, Q2 thuộc danh mục Scopus/ Web of Science (WoS). + Sách/ chương sách chuyên khảo được xuất bản bởi nhà xuất bản trong nước hoặc quốc tế và được xác nhận sử dụng ở trường ĐHNN-ĐHQGHN. + Có đề tài NCKH cấp Nhà nước/ Bộ/ Địa phương/ ĐHQG/ doanh nghiệp được nghiệm thu trong thời điểm đánh giá. + Có đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường được nghiệm thu; + Có giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, chương sách được nghiệm thu/ xuất bản; tài liệu lưu hành nội bộ được nghiệm thu; + Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, bằng độc quyền sáng chế trong thời điểm đánh giá. 			
C. TIÊU CHÍ VỀ KỶ LUẬT LAO ĐỘNG					
	Chấp hành kỷ luật lao động của Nhà trường theo Quy chế làm việc, Quy định chấm công	<i>Vi phạm 1 lần, trừ 1 điểm</i>			
TỔNG			100 điểm		

Mẫu số 02**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CHUYÊN VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐHQGHN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
A. CÁC TIÊU CHÍ ĐIỀU KIỆN					
Nếu không đạt bất kỳ tiêu chí nào trong nhóm Tiêu chí điều kiện dưới đây, kết quả đánh giá được xác định là KHÔNG ĐẠT.					
1	Chấp hành chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong trường, đơn vị.		Đạt/ Không đạt		
2	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của nhà giáo, viên chức và người lao động; tuân thủ nội quy, quy chế của ĐHQGHN, Trường ĐHNN và các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.		Đạt/ Không đạt		
3	Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo, viên chức và người lao động; có tinh thần đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, tôn trọng và đối xử công bằng, đúng mực với người học, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.		Đạt/ Không đạt		
4	Tuân thủ các quy định về đạo đức học thuật và bảo đảm liêm chính khoa học, thực hiện trung thực, minh bạch trong		Đạt/ Không đạt		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TDG	ĐIỂM LĐ ĐG
	thực thi công vụ, hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, công bố kết quả nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác.				
5	Tâm huyết với nghề, tận tụy với công việc; Chấp hành sự phân công, chỉ đạo của tổ chức, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao bởi cấp có thẩm quyền.		Đạt/ Không đạt		
B. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ					
I. CÁC TIÊU CHÍ TỔNG QUÁT			20 điểm		
1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí việc làm		10		
1.1	Có kiến thức chuyên sâu, toàn diện về lĩnh vực công tác được phân công; hiểu biết đầy đủ về quy định pháp luật, quy trình nghiệp vụ có liên quan đến vị trí việc làm của bản thân.		2		
1.2	Thường xuyên cập nhật kiến thức, có khả năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo vào công việc; đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới trong quản trị đại học, cải cách hành chính và chuyển đổi số quốc gia.		2		
1.3	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để xử lý công việc theo kế hoạch định kỳ và khi được phân công.		2		
1.4	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, các công cụ hỗ trợ phục vụ chuyên môn, nghiệp vụ và tích cực cập nhật, ứng dụng công nghệ mới trong công việc chuyên môn.		2		
1.5	Chủ động đề xuất giải pháp, thực hiện hiệu quả các công việc phát sinh có tính chất		2		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
	chuyên môn cao.				
2	Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ trong công việc		10		
2.1	Có tinh thần trách nhiệm trong việc nghiên cứu, đề xuất, tham mưu nội dung chuyên môn		2		
2.2	Có tinh thần chịu trách nhiệm trước kết quả công việc; chủ động nhận trách nhiệm khi có sai sót và có biện pháp khắc phục rõ ràng, cụ thể.		2		
2.3	Chủ động đưa ra quyết định trong phạm vi thẩm quyền, không có biểu hiện né tránh, đùn đẩy, không làm đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của cấp có thẩm quyền.		2		
2.4	Sẵn sàng tham gia thực hiện những nhiệm vụ mới, nhiệm vụ có tính đột xuất, phức tạp hoặc trong điều kiện khó khăn.		2		
2.5	Phối hợp có hiệu quả với tập thể, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.		2		
II. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO			50 điểm		
	CĂN CỨ VÀO SỐ ĐIỂM KPI QUY ĐỔI, ĐIỂM KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TÍNH BẰNG ĐIỂM KPI QUY ĐỔI NHÂN (x) 50%	<p>Điểm tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng:</p> $\frac{a+b+c}{3}$ <p>Trong đó:</p> <p>a : là số lượng kết quả thực hiện nhiệm vụ; điểm tối đa: 50 điểm. Được xác định bằng điểm tỷ lệ phần trăm giữa số lượng sản phẩm/công việc hoàn thành được giao nhiệm vụ trong quý.</p> <p>b : là chất lượng kết quả thực hiện nhiệm vụ; điểm</p>	50		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
		<p>tối đa: 50 điểm. Được xác định bằng điểm tỷ lệ phần trăm giữa số lượng sản phẩm/công việc hoàn thành đạt yêu cầu về chất lượng nội dung so với số lượng sản phẩm/công việc được giao trong quý.</p> <p>c: là tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ; điểm tối đa: 50 điểm. Được xác định bằng điểm tỷ lệ phần trăm giữa số lượng sản phẩm/công việc hoàn thành đạt tiến độ trở lên so với số lượng sản phẩm/công việc được giao trong quý.</p> <p>- Làm tròn xuống với số điểm lẻ dưới 0,5; làm tròn lên với số điểm lẻ từ 0,5 trở lên.</p>			
III. HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG (PVCD)²			20 điểm		
1	Kết nối và PVCD trong các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, trách nhiệm xã hội	<p>4 điểm: Tham gia tích cực trong các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, trách nhiệm xã hội.</p> <p>2 điểm: Có tham gia các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, trách nhiệm xã hội.</p>	4		
2	Kết nối và PVCD thông qua hợp tác, truyền thông và phát triển mạng lưới quan hệ đối tác	<p>4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động hợp tác, kết nối đối tác, truyền thông và phát triển quan hệ với các bên liên quan.</p> <p>2 điểm: Có tham gia các hoạt động hợp tác, kết nối đối tác, truyền thông và</p>	4		

² Quy định kết nối và hoạt động phục vụ cộng đồng Trường ĐHNH, ĐHQGHN, số 906/QĐ-ĐHNH ngày 09/3/2023

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
		phát triển quan hệ với các bên liên quan.			
3	Kết nối và PVCD thông qua chia sẻ chuyên môn, hỗ trợ nghiệp vụ và chuyển giao kinh nghiệm	4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động chia sẻ chuyên môn, hỗ trợ nghiệp vụ và chuyển giao kinh nghiệm. 2 điểm: Có tham gia các hoạt động chia sẻ chuyên môn, hỗ trợ nghiệp vụ và chuyển giao kinh nghiệm.	4		
4	Kết nối và PVCD trong các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm	4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm 2 điểm: Có tham gia các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm	4		
5	Kết nối và PVCD trong lĩnh vực hỗ trợ, phát triển người học/ các bên liên quan	4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động hỗ trợ, phát triển người học/ các bên liên quan. 2 điểm: Có tham gia các hoạt động hỗ trợ, phát triển người học/ các bên liên quan.	4		
IV	TIÊU CHÍ VƯỢT TRỘI	Đạt 1 trong số các yêu cầu sau:	10 điểm		
1	Có sáng kiến kinh nghiệm được công nhận, sản phẩm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vượt trội	1. Sáng kiến, giải pháp hữu ích đổi mới sáng tạo tạo tác động tích cực đến khoa/ nhà trường/ xã hội được Hội đồng Sáng kiến của Trường ĐHNN công nhận. 2. Thành tích đặc biệt được khen thưởng cấp	10		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
		<p>Trường trở lên.</p> <p>3. Các sản phẩm khoa học bao gồm:</p> <p>+ Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế Q1, Q2 thuộc danh mục Scopus/ Web of Science (WoS).</p> <p>+ Sách/ chương sách chuyên khảo được xuất bản bởi nhà xuất bản trong nước hoặc quốc tế và được xác nhận sử dụng ở trường ĐHNN-ĐHQGHN.</p> <p>+ Có đề tài NCKH cấp Nhà nước/ Bộ/ Địa phương/ ĐHQG/ doanh nghiệp được nghiệm thu trong thời điểm đánh giá.</p> <p>+ Có đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường được nghiệm thu;</p> <p>+ Có giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, chương sách được nghiệm thu/ xuất bản; tài liệu lưu hành nội bộ được nghiệm thu;</p> <p>+ Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, bằng độc quyền sáng chế trong thời điểm đánh giá.</p>			
C. TIÊU CHÍ VỀ KỶ LUẬT LAO ĐỘNG					
	Chấp hành kỷ luật lao động của Nhà trường theo Quy chế làm việc, Quy định chấm công	<i>Vi phạm 1 lần, trừ 1 điểm</i>			
	TỔNG		100 điểm		

Mẫu số 03

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TRƯỞNG/PHÓ TRƯỞNG KHOA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐHQGHN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)*

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
A. CÁC TIÊU CHÍ ĐIỀU KIỆN					
Nếu không đạt bất kỳ tiêu chí nào trong nhóm Tiêu chí điều kiện dưới đây, kết quả đánh giá được xác định là KHÔNG ĐẠT.					
1.		Chấp hành chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong trường, đơn vị.	Đạt/ Không đạt		
2.		Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của nhà giáo, viên chức và người lao động; tuân thủ nội quy, quy chế của ĐHQGHN, Trường ĐHNN và các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.	Đạt/ Không đạt		
3.		Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo, viên chức và người lao động; có tinh thần đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, tôn trọng và đối xử công bằng, đúng mực với người học, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.	Đạt/ Không đạt		
4.		Tuân thủ các quy định về đạo đức học thuật và bảo đảm liên chính khoa học, thực hiện trung thực, minh bạch trong thực thi công vụ, hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, công bố kết quả nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác.	Đạt/ Không đạt		
5.		Tâm huyết với nghề, tận tụy với công việc; Chấp hành sự phân công, chỉ đạo của tổ chức, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao bởi cấp có thẩm quyền.	Đạt/ Không đạt		
B. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ					
B1. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN (70% tổng điểm được xác định theo nhóm tiêu chí của vị trí việc làm chuyên môn tương ứng)			70% x 100 điểm = 70 điểm		
Tiêu chuẩn 1: Hoạt động giảng dạy					
	<i>Hoạt động chuẩn bị tổ chức dạy học</i>		10 điểm		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
1.1	Đảm bảo kiến thức về lĩnh vực giảng dạy	2 điểm: Nắm vững kiến thức chuyên môn, đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy học phần 1 điểm: Nắm được kiến thức chuyên môn, cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy học phần	2		
1.2	Hiểu biết về người học và bối cảnh dạy học	2 điểm: Hiểu rõ phong cách học tập, mục tiêu và nhu cầu học tập của người học 1 điểm: Hiểu biết ở mức cơ bản phong cách học tập, mục tiêu và nhu cầu học tập của người học	2		
1.3	Đảm bảo chất lượng học liệu giảng dạy của học phần	2 điểm: Có nguồn học liệu đa dạng, cập nhật, phù hợp với khả năng tiếp nhận, kiến thức của người học 1 điểm: Có nguồn học liệu tương đối đa dạng, cập nhật, phù hợp với khả năng tiếp nhận, kiến thức của người học	2		
1.4	Đảm bảo các yêu cầu về xây dựng và thiết kế hoạt động dạy học	2 điểm: Hiểu rõ chuẩn đầu ra của học phần và thiết kế đầy đủ các hoạt động dạy học tương ứng để đảm bảo người học đạt được chuẩn đầu ra học phần 1 điểm: Cơ bản nắm được chuẩn đầu ra của học phần và thiết kế được một số hoạt động dạy học đảm bảo người học đạt được chuẩn đầu ra học phần	2		
1.5	Đảm bảo khả năng tổ chức dạy học có chất lượng theo nhiều phương thức khác nhau (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp ...)	2 điểm: Tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học theo các phương thức khác nhau, đáp ứng yêu cầu của học phần, duy trì sự hợp tác và tính tích cực của người học 1 điểm: Tổ chức tương đối hiệu quả hoạt động dạy học theo các phương thức khác nhau, đáp ứng yêu cầu của học phần, duy trì sự hợp tác và tính tích cực của người học	2		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
	Hoạt động tổ chức dạy học		20 điểm		
1.6	Tổ chức và quản lý lớp học hiệu quả	<p>4 điểm: Chuẩn bị kỹ lưỡng bài giảng, kịch bản giảng dạy, trang thiết bị; giải thích rõ ràng cho người học về mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần; tích cực lắng nghe phản hồi của người học và tiến hành điều chỉnh phù hợp trong tổ chức và quản lý lớp học.</p> <p>2 điểm: Có chuẩn bị bài giảng, kịch bản giảng dạy, trang thiết bị; Có giải thích cho người học về mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần; lắng nghe phản hồi của người học nhưng mức độ điều chỉnh còn hạn chế.</p>	4		
1.7	Đảm bảo phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực	<p>4 điểm: Vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy phù hợp với nội dung học phần; tích cực thúc đẩy sự tương tác của người học vào các hoạt động học tập và tạo sự chuyển biến rõ rệt.</p> <p>2 điểm: Có vận dụng các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy phù hợp với nội dung học phần; đã thúc đẩy về cơ bản sự tương tác của người học vào các hoạt động học tập.</p>	4		
1.8	Hiểu rõ ưu, nhược điểm của các công cụ, công nghệ giáo dục phổ biến để có cách thức áp dụng phù hợp với các đối tượng người học và bối cảnh dạy học khác nhau	<p>4 điểm: Lựa chọn một cách chủ động và hiệu quả hệ thống công cụ, công nghệ phù hợp với từng đối tượng người học và bối cảnh dạy học</p> <p>2 điểm: Biết lựa chọn hệ thống công cụ, công nghệ phù hợp với từng đối tượng người học và bối cảnh dạy học tuy nhiên đôi khi còn lúng túng, bị động.</p>	4		
1.9	Tạo lập môi trường dạy học tích cực, tôn trọng sự khác biệt	<p>4 điểm: Quan tâm phản hồi tích cực đối với các quan điểm cá nhân, thúc đẩy hiệu quả tư duy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp của người học</p> <p>2 điểm: Có phản hồi đối với các quan điểm cá nhân, bước đầu khuyến khích tư duy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp của người học</p>	4		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
1.10	Áp dụng linh hoạt cách tiếp cận và phương thức giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu và năng lực học tập đa dạng của người học	4 điểm: Vận dụng hiệu quả các phương thức giảng dạy khác nhau để thiết kế đa dạng các hoạt động học tập, phát huy sở trường, thế mạnh, định hướng nghề nghiệp của người học 2 điểm: Vận dụng ở mức độ cơ bản các phương thức giảng dạy khác nhau để thiết kế các hoạt động học tập.	4		
	Hoạt động kiểm tra đánh giá		10 điểm		
1.11	Sử dụng thành thạo, đa dạng các phương thức kiểm tra đánh giá người học và các công cụ, phần mềm phù hợp trong hoạt động kiểm tra đánh giá	2 điểm: Sử dụng một cách tự tin, chủ động hệ thống phần mềm, phương pháp KTĐG; có công cụ đo lường, đánh giá được chuẩn đầu ra học phần/ chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 1 điểm: Biết cách sử dụng (nhưng đôi khi vẫn cần sự hỗ trợ từ bên ngoài) hệ thống phần mềm, phương pháp KTĐG, công cụ đo lường, đánh giá được chuẩn đầu ra học phần/ chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	2		
1.12	Đảm bảo các hoạt động kiểm tra đánh giá bao phủ được toàn bộ các nội dung của học phần và tương thích với chuẩn đầu ra học phần	2 điểm: Có và áp dụng đầy đủ bảng tiêu chí đánh giá (rubrics) tương ứng với từng phương pháp KTĐG 1 điểm: Có xây dựng bảng tiêu chí đánh giá nhưng phạm vi áp dụng còn hạn chế	2		
1.13	Xây dựng hệ thống các bảng ma trận thể hiện mối liên hệ giữa các thành tố trong học phần. - Các ma trận cần có gồm: + CDR học phần và CDR CTĐT + CDR học phần, PPDH, PP KTĐG và nội dung bài học + PPDH và PP KTĐG + PPDH, PP KTĐG và CDR học phần	2 điểm: Xây dựng đầy đủ hệ thống các bảng ma trận giữa các thành tố trong đề cương học phần 1 điểm: Có bảng ma trận giữa các thành tố trong đề cương học phần nhưng chưa đầy đủ .	2		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
1.14	Thiết lập được các kênh thông tin và hình thức khác nhau để tiếp nhận và xử lý kịp thời các ý kiến phản hồi của người học về sự tiến bộ và kết quả học tập của họ	2 điểm: Thiết lập đa dạng các kênh thông tin để tiếp nhận, xử lý kịp thời phản hồi, hỗ trợ sự tiến bộ của người học 1 điểm: Có kênh thông tin ở mức độ cơ bản để tiếp nhận, xử lý kịp thời phản hồi, hỗ trợ sự tiến bộ của người học	2		
1.15	Có phân tích kết quả học tập của người học đối với từng học phần tham gia giảng dạy; đề xuất cải tiến, điều chỉnh PPDH, PP KTĐG, chất lượng bài thi	2 điểm: Có báo cáo phân tích đầy đủ kết quả học tập của người học, bảo đảm độ giá trị và độ tin cậy; đề xuất cải tiến PPDH và KTĐG nhằm nâng cao chất lượng 1 điểm: Có thực hiện đánh giá, phân tích kết quả học tập của người học; bước đầu đề xuất điều chỉnh PPDH và KTĐG	2		
Tiêu chuẩn 2: Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiên cứu khoa học & ĐMST					
	Hoạt động bồi dưỡng chuyên môn		10 điểm		
2.1	Chủ động thực hiện các hoạt động khác nhau để tự bồi dưỡng chuyên môn nhằm phục vụ tốt các hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá, NCKH	2 điểm: Thực hiện thường xuyên các hoạt động tự bồi dưỡng, phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo, NCKH 1 điểm: Có thực hiện nhưng chưa thường xuyên các hoạt động tự bồi dưỡng, phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH	2		
2.2	Ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là AI trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	2 điểm: Ứng dụng thành thạo ứng dụng CNTT, đặc biệt là AI trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ 1 điểm: Có ứng dụng CNTT, AI trong hoạt động chuyên môn nhưng chưa ở mức độ thành thạo	2		
2.3	Có khả năng giảng dạy nhiều nhóm học phần khác nhau trong CTĐT	2 điểm: hiện tại đang giảng dạy hoặc có thể đáp ứng ngay yêu cầu giảng dạy từ 3 học phần khác nhau trở lên. 1 điểm: Trong tương lai có thể giảng dạy từ 3 học phần khác nhau trở lên.	2		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
2.4	Đã hoàn thành hoặc đang theo học chương trình đào tạo nghiên cứu sinh (NCS)	2 điểm: Là tiền sĩ hoặc đang theo học chương trình đào tạo NCS 1 điểm: Có kế hoạch theo học chương trình đào tạo NCS	2		
2.5	Tham gia hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn cho đồng nghiệp và người học	2 điểm: là người thực hiện hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn từ cấp Trường trở lên . 1 điểm: là người thực hiện hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn cấp Bộ môn hoặc Khoa	2		
	Hoạt động nghiên cứu khoa học & ĐMST		20 điểm		
2.6	Tham gia các mạng lưới học thuật, nhóm nghiên cứu/ ĐMST, cộng đồng chuyên môn (COP)	4 điểm: Là thành viên chủ chốt (cấp trưởng hoặc phó) trong mạng lưới/nhóm nghiên cứu/ ĐMST/ COP 3 điểm: Tham gia ở mức độ tích cực trong mạng lưới/nhóm nghiên cứu/ ĐMST/ COP 2 điểm: Tham gia ở mức độ tương đối tích cực các hoạt động trong mạng lưới/nhóm nghiên cứu/ ĐMST/ COP 1 điểm: Có tham gia nhưng chưa đầy đủ các hoạt động trong mạng lưới/nhóm nghiên cứu/ ĐMST/ COP	4		
2.7	Hướng dẫn người học thực hiện khóa luận, luận văn, luận án (có quyết định giao nhiệm vụ)	4 điểm: Hướng dẫn tích cực người học thực hiện khóa luận, luận văn, luận án; người học thực hiện đúng tiến độ và đạt kết quả tốt . 3 điểm: Hướng dẫn đầy đủ người học thực hiện khóa luận, luận văn, luận án; người học thực hiện tương đối đúng yêu cầu . 2 điểm: Có tham gia hướng dẫn và hỗ trợ người học thực hiện khoá luận, luận văn, luận án trong một số giai đoạn của quá trình thực hiện. 1 điểm: Có tham gia hướng dẫn người học nhưng mức độ hỗ trợ còn hạn chế hoặc chưa theo sát quá trình thực	4		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
		hiện khoá luận, luận văn, luận án của người học.			
2.8	Hướng dẫn người học thực hiện đề tài NCKH, ĐMST (có quyết định giao nhiệm vụ)	<p>4 điểm: Hướng dẫn tích cực người học thực hiện đề tài NCKH, ĐMST; đề tài đạt kết quả nổi bật hoặc được nghiệm thu, công nhận, khen thưởng.</p> <p>3 điểm: Hướng dẫn đầy đủ người học thực hiện đề tài NCKH, ĐMST; đề tài hoàn thành và đạt yêu cầu.</p> <p>2 điểm: Có tham gia hướng dẫn và hỗ trợ người học thực hiện đề tài NCKH, ĐMST trong một số giai đoạn của quá trình thực hiện.</p> <p>1 điểm: Có tham gia nhưng chưa thường xuyên hoặc chưa theo sát quá trình thực hiện đề tài NCKH, ĐMST của người học.</p>			
2.9	Hướng dẫn người học tham gia các cuộc thi học thuật ở các cấp độ khác nhau	<p>4 điểm: Hướng dẫn tích cực người học tham gia các cuộc thi học thuật; người học đạt giải thưởng hoặc thành tích nổi bật.</p> <p>3 điểm: Hướng dẫn đầy đủ người học tham gia các cuộc thi học thuật; người học hoàn thành tốt quá trình tham gia.</p> <p>2 điểm: Có tham gia hướng dẫn và hỗ trợ người học trong một số giai đoạn của quá trình thực hiện tham dự cuộc thi học thuật.</p> <p>1 điểm: Có tham gia nhưng chưa thường xuyên hoặc chưa theo sát quá trình người học tham dự các cuộc thi học thuật.</p>			
2.10	Tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; có bài báo khoa học trên các tạp chí/ bài đăng kỹ yếu toàn văn	4 điểm: Có bài đăng tại tạp chí Q3, Q4/ kỹ yếu toàn văn hội thảo quốc tế/ tạp chí chuyên ngành trong nước có chỉ số ISBN (tạp chí khoa học được tính điểm từ 0,5 trở lên theo quy định của Hội đồng giáo sư nhà nước công nhận	4		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
		tại thời điểm đánh giá) 3 điểm: Có bài đăng ký yếu toàn văn tại hội thảo quốc gia 2 điểm: Có bài báo đăng ký yếu toàn văn hội nghị, hội thảo cấp trường 1 điểm: Tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước, quốc tế bằng hình thức trực tiếp/ trực tuyến/ kết hợp			
Tiêu chuẩn 3: Hoạt động Kết nối & Phục vụ cộng đồng (PVCD)³			20 điểm		
3.1	Kết nối và PVCD trong các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, trách nhiệm xã hội	4 điểm: Tham gia tích cực trong các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, thực hiện trách nhiệm xã hội 3 điểm: Tham gia tương đối tích cực các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, thực hiện trách nhiệm xã hội 2 điểm: Có tham gia các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, thực hiện trách nhiệm xã hội 1 điểm: Ủng hộ (về tinh thần và/hoặc vật chất) các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, thực hiện trách nhiệm xã hội	4		
3.2	Kết nối và PVCD trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực	4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kết nối, phát triển năng lực 3 điểm: Tham gia tương đối tích cực các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kết nối, phát triển năng lực 2 điểm: Có tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực 1 điểm: Ủng hộ và có kế hoạch tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực	4		
3.3	Kết nối và PVCD	4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt	4		

³ Quy định kết nối và hoạt động phục vụ cộng đồng Trường ĐHNH, ĐHQGHN, số 906/QĐ-ĐHNH ngày 09/3/2023

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
	trong lĩnh vực NCKH, ĐMST, chuyển giao tri thức, công nghệ	<p>động NCKH, ĐMST, chuyển giao tri thức, công nghệ</p> <p>3 điểm: Tham gia tương đối tích cực các hoạt động NCKH, ĐMST, chuyển giao tri thức, công nghệ</p> <p>2 điểm: Có tham gia các hoạt động NCKH, ĐMST, chuyển giao tri thức, công nghệ</p> <p>1 điểm: Ủng hộ và có kế hoạch tham gia các hoạt động NCKH, ĐMST, chuyển giao tri thức, công nghệ</p>			
3.4	Kết nối và PVCĐ trong các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm	<p>4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm</p> <p>3 điểm: Tham gia tương đối tích cực các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm</p> <p>2 điểm: Có tham gia các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm</p> <p>1 điểm: Ủng hộ và có kế hoạch tham gia các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm</p>	4		
3.5	Kết nối và PVCĐ trong lĩnh vực hỗ trợ, phát triển người học	<p>4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động hỗ trợ, phát triển người học</p> <p>3 điểm: Tham gia tương đối tích cực các hoạt động hỗ trợ, phát triển người học</p> <p>2 điểm: Có tham gia các hoạt động hỗ trợ, phát triển người học</p> <p>1 điểm: Ủng hộ và có kế hoạch tham gia các hoạt động hỗ trợ, phát triển người học</p>	4		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
	<i>Tiêu chí vượt trội</i>	Đạt 1 trong số các yêu cầu sau:	10 điểm		
	Sáng kiến, giải pháp ĐMST hoặc thành tích nghiên cứu khoa học vượt trội	<p>1. Sáng kiến, giải pháp hữu ích đổi mới sáng tạo tạo tác động tích cực đến khoa/ nhà trường/ xã hội được Hội đồng Sáng kiến của Trường ĐHNN công nhận.</p> <p>2. Thành tích đặc biệt được khen thưởng cấp Trường trở lên.</p> <p>3. Các sản phẩm khoa học bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế Q1, Q2 thuộc danh mục Scopus/ Web of Science (WoS). + Sách/ chương sách chuyên khảo được xuất bản bởi nhà xuất bản trong nước hoặc quốc tế và được xác nhận sử dụng ở trường ĐHNN-ĐHQGHN. + Có đề tài NCKH cấp Nhà nước/ Bộ/ Địa phương/ ĐHQG/ doanh nghiệp được nghiệm thu trong thời điểm đánh giá. + Có đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường được nghiệm thu; + Có giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, chương sách được nghiệm thu/ xuất bản; tài liệu lưu hành nội bộ được nghiệm thu; + Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, bằng độc quyền sáng chế trong thời điểm đánh giá. 			
	TỔNG B1	70% x 100 điểm	70 điểm		
B2. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ QUẢN LÝ (30% tổng điểm)			30 điểm		
	Kết quả hoạt động của lĩnh vực được giao lãnh đạo, quản lý, phụ trách; khả năng tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ của đơn vị; năng lực tập hợp, đoàn kết VCNLĐ	Lưu ý: Làm tròn số điểm	30		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM GV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
	thuộc phạm vi quản lý quy định.				
	TỔNG B2		30 điểm		
C. TIÊU CHÍ VỀ KỶ LUẬT LAO ĐỘNG					
	Chấp hành kỷ luật lao động của Nhà trường theo Quy chế làm việc, Quy định chấm công	<i>Vi phạm 1 lần, trừ 1 điểm</i>			
TỔNG			100 điểm		

Mẫu số 04**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TRƯỞNG/PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CHỨC NĂNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐHQGHN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN ngày tháng năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
A. CÁC TIÊU CHÍ ĐIỀU KIỆN					
Nếu không đạt bất kỳ tiêu chí nào trong nhóm Tiêu chí điều kiện dưới đây, kết quả đánh giá được xác định là KHÔNG ĐẠT.					
1	Chấp hành chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong trường, đơn vị.		Đạt/ Không đạt		
2	Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của nhà giáo, viên chức và người lao động; tuân thủ nội quy, quy chế của ĐHQGHN, Trường ĐHNN và các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.		Đạt/ Không đạt		
3	Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo, viên chức và người lao động; có tinh thần đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, tôn trọng và đối xử công bằng, đúng mực với người học, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.		Đạt/ Không đạt		
4	Tuân thủ các quy định về đạo đức học thuật và bảo đảm liêm		Đạt/ Không đạt		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
	chính khoa học, thực hiện trung thực, minh bạch trong thực thi công vụ, hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, công bố kết quả nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác.				
5	Tâm huyết với nghề, tận tụy với công việc; Chấp hành sự phân công, chỉ đạo của tổ chức, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao bởi cấp có thẩm quyền.		Đạt/ Không đạt		
B. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ					
B1. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN (70% tổng điểm được xác định theo nhóm tiêu chí của vị trí việc làm chuyên môn tương ứng)			70% x 100 điểm = 70 điểm		
I. CÁC TIÊU CHÍ TỔNG QUÁT			20 điểm		
1	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí việc làm		10		
1.1	Có kiến thức chuyên sâu, toàn diện về lĩnh vực công tác được phân công; hiểu biết đầy đủ về quy định pháp luật, quy trình nghiệp vụ có liên quan đến vị trí việc làm của bản thân.		2		
1.2	Thường xuyên cập nhật kiến thức, có khả năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo vào công việc; đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới trong quản trị đại học, cải cách hành chính và chuyên đổi số quốc gia.		2		
1.3	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ để xử lý công việc theo kế hoạch định kỳ và khi được phân công.		2		
1.4	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số, các công cụ hỗ trợ phục vụ chuyên môn, nghiệp vụ và tích cực cập nhật, ứng dụng công		2		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
	nghệ mới trong công việc chuyên môn.				
1.5	Chủ động đề xuất giải pháp, thực hiện hiệu quả các công việc phát sinh có tính chất chuyên môn cao.		2		
2	Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ trong công việc		10		
2.1	Có tinh thần trách nhiệm trong việc nghiên cứu, đề xuất, tham mưu nội dung chuyên môn		2		
2.2	Có tinh thần chịu trách nhiệm trước kết quả công việc; chủ động nhận trách nhiệm khi có sai sót và có biện pháp khắc phục rõ ràng, cụ thể.		2		
2.3	Chủ động đưa ra quyết định trong phạm vi thẩm quyền, không có biểu hiện né tránh, đùn đẩy, không làm đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của cấp có thẩm quyền.		2		
2.4	Sẵn sàng tham gia thực hiện những nhiệm vụ mới, nhiệm vụ có tính đột xuất, phức tạp hoặc trong điều kiện khó khăn.		2		
2.5	Phối hợp có hiệu quả với tập thể, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.		2		
II. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO			50 điểm		
	CĂN CỨ VÀO SỐ ĐIỂM KPI QUY ĐỔI, ĐIỂM KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TÍNH BẰNG ĐIỂM KPI QUY ĐỔI NHÂN (x) 50%	Điểm tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng: $\frac{a+b+c}{3}$ Trong đó: a : là số lượng kết quả thực hiện nhiệm vụ; điểm tối đa: 50 điểm. Được xác định bằng điểm tỷ lệ phần trăm giữa số lượng sản phẩm/công việc hoàn	50		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
		<p>thành được giao nhiệm vụ trong quý.</p> <p>b : là chất lượng kết quả thực hiện nhiệm vụ; điểm tối đa: 50 điểm. Được xác định bằng điểm tỷ lệ phần trăm giữa số lượng sản phẩm/công việc hoàn thành đạt yêu cầu về chất lượng nội dung so với số lượng sản phẩm/công việc được giao trong quý.</p> <p>c: là tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ; điểm tối đa: 50 điểm. Được xác định bằng điểm tỷ lệ phần trăm giữa số lượng sản phẩm/công việc hoàn thành đạt tiến độ trở lên so với số lượng sản phẩm/công việc được giao trong quý.</p> <p>- Làm tròn xuống với số điểm lẻ dưới 0,5; làm tròn lên với số điểm lẻ từ 0,5 trở lên.</p>			
III. HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG (PVCD)⁴			20 điểm		
1	Kết nối và PVCD trong các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, trách nhiệm xã hội	<p>4 điểm: Tham gia tích cực trong các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, trách nhiệm xã hội.</p> <p>2 điểm: Có tham gia các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện, trách nhiệm xã hội.</p>	4		
2	Kết nối và PVCD thông qua hợp tác, truyền thông và phát triển mạng lưới quan hệ đối	4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động hợp tác, kết nối đối tác, truyền	4		

⁴ Quy định kết nối và hoạt động phục vụ cộng đồng Trường ĐHNH, ĐHQGHN, số 906/QĐ-ĐHNH ngày 09/3/2023

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
	tác	thông và phát triển quan hệ với các bên liên quan. 2 điểm: Có tham gia các hoạt động hợp tác, kết nối đối tác, truyền thông và phát triển quan hệ với các bên liên quan.			
3	Kết nối và PVCD thông qua chia sẻ chuyên môn, hỗ trợ nghiệp vụ và chuyển giao kinh nghiệm	4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động chia sẻ chuyên môn, hỗ trợ nghiệp vụ và chuyển giao kinh nghiệm. 2 điểm: Có tham gia các hoạt động chia sẻ chuyên môn, hỗ trợ nghiệp vụ và chuyển giao kinh nghiệm.	4		
4	Kết nối và PVCD trong các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm	4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm 2 điểm: Có tham gia các hoạt động tư vấn chính sách, phản biện, tư vấn chuyên môn, đề xuất cải tiến nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm	4		
5	Kết nối và PVCD trong lĩnh vực hỗ trợ, phát triển người học/ các bên liên quan	4 điểm: Tham gia tích cực các hoạt động hỗ trợ, phát triển người học/ các bên liên quan. 2 điểm: Có tham gia các hoạt động hỗ trợ, phát triển người học/ các bên liên quan.	4		
IV	TIÊU CHÍ VƯỢT TRỘI	Đạt 1 trong số các yêu cầu sau:	10 điểm		
1	Có sáng kiến kinh nghiệm được công nhận, sản phẩm khoa học công nghệ, đổi mới	1. Sáng kiến, giải pháp hữu ích đổi mới sáng tạo tạo tác động tích cực đến	10		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
	sáng tạo vượt trội	<p>khoa/ nhà trường/ xã hội được Hội đồng Sáng kiến của Trường ĐHNN công nhận.</p> <p>2. Thành tích đặc biệt được khen thưởng cấp Trường trở lên.</p> <p>3. Các sản phẩm khoa học bao gồm:</p> <p>+ Bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế Q1, Q2 thuộc danh mục Scopus/ Web of Science (WoS).</p> <p>+ Sách/ chương sách chuyên khảo được xuất bản bởi nhà xuất bản trong nước hoặc quốc tế và được xác nhận sử dụng ở trường ĐHNN-ĐHQGHN.</p> <p>+ Có đề tài NCKH cấp Nhà nước/ Bộ/ Địa phương/ ĐHQG/ doanh nghiệp được nghiệm thu trong thời điểm đánh giá.</p> <p>+ Có đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường được nghiệm thu;</p> <p>+ Có giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, chương sách được nghiệm thu/ xuất bản; tài liệu lưu hành nội bộ được nghiệm thu;</p> <p>+ Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, bằng độc quyền sáng chế trong thời điểm đánh giá.</p>			
	TỔNG B1	70% x 100 điểm	70 điểm		
B2. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÁN BỘ QUẢN LÝ (30% tổng điểm)			30 điểm		
	Kết quả hoạt động của lĩnh vực được giao lãnh đạo, quản lý, phụ trách; khả năng tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ của đơn vị; năng lực	Lưu ý: Làm tròn số điểm	30		

STT	TIÊU CHÍ	YÊU CẦU	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CV TĐG	ĐIỂM LĐ ĐG
	tập hợp, đoàn kết VCNLĐ thuộc phạm vi quản lý quy định.				
	TỔNG B2		30 điểm		
C. TIÊU CHÍ VỀ KỶ LUẬT LAO ĐỘNG					
	Chấp hành kỷ luật lao động của Nhà trường theo Quy chế làm việc, Quy định chấm công	<i>Vi phạm 1 lần, trừ 1 điểm</i>			
	TỔNG		100 điểm		

PHỤ LỤC 2**Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNN ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội)

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI
ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG
Quý .../20..**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tự nhận mức xếp loại	Kết quả đánh giá của cấp có thẩm quyền	Lý do thay đổi mức xếp loại (nếu có)
1					
2					
3					
..					

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)